

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỶ NẠI DA

QUYỂN 11

Nhiếp Tụng Ba:

*Không xem, xả, không xả,
Xin vàng bạc, tiền nhuộm,
Được lợi có năm giới (sai khác),
Mua thuốc, hai (giới) giá y.*

Học Xứ Thứ Hai Mười Một: KHÔNG XEM NĂM Y

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô ni ít nhớ nghĩ nên không nhớ biết y nào là Tăng-già-chi, y nào là Ót-bát-la-tăng-già, y nào là An-đát-bà-ta, y nào là Quyết-tô-lạc-ca, y nào là Tăng khước kỳ. Cho nên Đại-thế-chủ đem việc này bạch Phật, Phật nói: “Các ni nên xem lại năm y đang thọ trì trong mỗi nửa tháng”. Tuy Phật đã bảo như thế nhưng Ni-thổ-la-nan-đà mỗi nửa tháng không chịu xem lại năm y đang thọ trì, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quả trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trong mỗi nửa tháng không xem lại năm y đang thọ trì, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Tướng phạm trong học xứ này là trong mỗi nửa tháng không xem lại năm y thì phạm Xả-đọa.

Học Xứ Thứ Hai Mười Hai: XẢ Y PHI THỜI

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Phật bảo các ni nên xả y Yết-sỉ-na, Thổ-la-Nan-đà muốn xả y phi thời nên nói với các ni: “Cần gì chứa cất y này, hãy cùng xả đi, còn đợi đến khi nào”, các ni nghe khuyên nên cùng xả. Sau đó mỗi người mang năm y du hành trong nhân gian, các ni khác hỏi:” các cô không có trượng y Yết-

sỉ-na hay sao?”, đáp là tương rồi, các ni kia liền hỏi: “Nếu đã tương y rồi sao còn mang theo năm y đi”. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni xả y Yết-sỉ-na phi thời, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ni khác giống như vậy. Thời y Yết-sỉ-na là từ mười sáu tháng tám đến mười lăm tháng giêng, ngoài thời gian này thì gọi là phi thời. Xả là Bạch-nhị-yết-ma xả. Tương phạm trong học xứ này là nếu tác pháp xả phi thời thì phạm Xả-đọa, nếu bị giặc cướp đoạt mang đi thì không phạm.

Học Xứ Thứ Hai Mười Ba: ĐÚNG THỜI KHÔNG XẢ Y YẾT SỈ NA

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, như Phật đã dạy đúng thời các ni nên xả y Yết-sỉ-na nhưng Thổ-la-Nan-đà lại không chịu xả. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đúng thời xả y Yết-sỉ-na mà lại không chịu xả thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Giải thích và tương phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Hai Mười Bốn: XIN VÀNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó có một người thợ vàng cưới vợ chưa bao lâu, không biết người vợ có thể trông coi việc nhà được hay không nên muốn thử, liền để chiếc kim hoàn ở chỗ người vợ rồi đi. Sau đó có Ni-thổ-la-nan-đà đến nhà khát thực, người vợ vào trong nhà lấy thức ăn ra sốt vào bát cho Bí-sô ni, Thổ-la-Nan-đà thấy chiếc kim hoàn liền nói với người vợ của người thợ vàng: “Hiền thủ hãy cho tôi chiếc kim hoàn này”, người vợ nghe rồi im lặng, Thổ-la-Nan-đà cho là người vợ kia chịu cho, liền lấy chiếc kim hoàn đi. Sau đó người thợ vàng trở về hỏi vợ chiếc kim hoàn đâu, người vợ nói: “Người xuất gia mới đến đã lấy đi rồi”, người thợ vàng chạy theo đòi lại, Thổ-la-Nan-đà nói: “Hiền thủ, nếu không có người trao thì tôi đâu dám lấy”, người thợ vàng nói: “Hãy trả vàng lại cho tôi”, Thổ-la-Nan-đà liền bỏ chiếc kim hoàn vào miệng, người thợ vàng liền móc trong miệng ra để lấy lại chiếc kim hoàn rồi đủ lời chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni

hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cầu xin vàng bạc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ni khác giống như vậy. Tương phạm như trên.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Lăm: **LẤY TIỀN NHUỘM Y
DỪNG CHO ĂN UỐNG**

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó năm y của Thổ-la-Nan-đà cũ rách, khi đến nhà của phu nhơn Thắng man khất thực, phu nhơn trải tòa mời ngồi, Thổ-la-Nan-đà nói pháp rồi im lặng, phu nhơn hỏi: “Vì sao lại mặc y cũ rách như thế?”, Thổ-la-Nan-đà nói: “Tôi đâu có chồng con lo cho tôi y phục”, phu nhơn nghe nói thế liền xin cúng năm y, Thổ-la-Nan-đà nói: “Tuy có phước dâng cúng nhưng không có phước thọ dụng, tôi cần có tiền để may và nhuộm y”, phu nhơn liền cúng thêm tiền để may và nhuộm y. Thổ-la-Nan-đà nhận vải và tiền rồi đem bán vải lấy tiền để dùng cho việc ăn uống chớ không may y. Thời gian sau lại mặc y cũ rách đến nhà của phu nhơn Thắng man, phu nhơn hỏi tại sao vẫn còn mặc y cũ rách, Thổ-la-Nan-đà liền nói: “Xin hãy tùy hỉ sẽ được lìa tám nạn. Tiền phu nhơn thí trước kia đã để vào Vô tận tạng”, phu nhơn hỏi: “Vải đã thí dùng làm gì?”, Thổ-la-Nan-đà nói: “Đã đem bán để dùng cho việc ăn uống, đối với tôi chỉ cần che thân bằng y phấn tảo là đủ rồi, cần gì phải mặc y phục sạch đẹp”. Phu nhơn nghe biết rồi liền chê trách: “Tại sao lợi của năm y lại đem dùng cho việc ăn uống?”. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni lấy tiền nhuộm y dùng cho việc ăn uống, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ni khác giống như vậy. Dùng cho việc ăn uống là lấy tiền bán vải được thí để đổi lấy hai loại của năm món thức ăn Kha-đần-ni và Bồ-thiện-ni.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Sáu: **LẤY LỢI Y RIÊNG
DỪNG CHO VIỆC ĂN UỐNG**

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà đắp y cũ rách đến các nhà trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn nói pháp, họ hỏi tại sao lại mặc y cũ rách như thế, liền nói: “Tôi đâu có chồng con

lo cho tôi y phục”, họ nghe rồi liền tùy hỷ dâng cúng, có người cho tơ, có người cho tiền để mua vải, có người cho tiền để may, có người cho tiền để nhuộm. Thổ-la-Nan-đà nhận hết rồi dùng cho việc ăn uống chớ không dùng Để-sấm y, thời gian sau vẫn mặc y cũ rách đến nhà họ, họ hỏi nguyên do và đáp cũng giống như giới trên nên bị họ chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được lợi y riêng lại đem dùng cho việc ăn uống thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Bảy: LẤY LỢI CỦA NGỌ CỤ
DÙNG CHO VIỆC ĂN UỐNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đang ở trong chùa có vợ chồng trưởng giả đến thăm, Thổ-la-Nan-đà nói pháp cho họ nghe khiến họ sanh Hoan-hỉ tín kính nói rằng: “Thánh giả cần gì cứ nói, chúng tôi sẽ dâng cúng”, đáp là cần ngọ cụ, trưởng giả liền đưa tiền Để-sấm ngọ cụ, Thổ-la-Nan-đà nhận tiền rồi đem dùng cho việc ăn uống. Thời gian sau đến nhà trưởng giả, trưởng giả hỏi ngọ cụ đã làm xong chưa, liền nói: “Thân nhờ nhớp này tùy nghi thọ dụng, cần gì phải làm ngọ cụ tốt mới”, họ nghe rồi liền chê trách: “Tại sao lợi của ngọ cụ lại đem dùng cho việc ăn uống”. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được lợi của ngọ cụ lại đem dùng cho việc ăn uống thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Tám: LẤY TIỀN CẤT CHÙA
DÙNG CHO VIỆC ĂN UỐNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà suy nghĩ: “Chùa ta đang ở đã bị hư hoại, ai sẽ tu bổ”, sau đó có vợ của các trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn đến kính lễ, Thổ-la-Nan-đà nói pháp cho họ nghe rồi dẫn họ đi tham quan chùa để chỉ những chỗ bị hư hoại. Các người nữ này thấy rồi đều muốn tu bổ nên mỗi người đều bớt chút tiền của mình tịnh tâm dâng cúng cho Thổ-la-Nan-đà để tu bổ lại chùa, nhưng Thổ-la-Nan-đà lại lấy tiền này dùng cho việc ăn uống. Thời gian sau họ đến chùa vẫn như cũ liền hỏi tại sao chưa tu bổ, Thổ-

la-Nan-đà nói: “Phòng nhỏ, am thất cũng đủ để yên ở, cần gì phải tu bổ cho đẹp”, họ nghe rồi liền chê trách: “Tại sao lại lấy lợi vật của tăng kỳ dùng cho việc ăn uống”. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quả trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được tiền cúng để cất chùa lại đem dùng cho việc ăn uống thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Giải thích và tương phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Chín: **LẤY LỢI CỦA NHIỀU NGƯỜI ĐEM VỀ CHO MÌNH**

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, như Thế tôn dạy cứ năm, sáu năm có đại hội một lần, lúc đó có nhiều Bí-sô ni đến, Ni-thổ-la-nan-đà do duyên này vào thành Thất-la-phiệt đến nhà của các trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn xin được nhiều lợi vật cho chúng ni, sau đó lại hồi chuyển đem về cho riêng mình. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quả trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được lợi của nhiều người lại hồi chuyển đem về cho riêng mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Giải thích và tương phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Ba Mươi: **LẤY LỢI VẬT CỦA TĂNG HỒI CHUYỂN VỀ CHO MÌNH**

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni an cư ba tháng, Ni-thổ-la-nan-đà nhân lễ Tùy ý đến nhà thế tục xin được nhiều phẩm vật cho chúng ni an cư, sau đó lại hồi chuyển đem về cho riêng mình khiến các thế tục chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quả trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được lợi vật của Tăng kỳ lại hồi chuyển đem về cho riêng mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Giải thích và tương phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Một Mươi Một: **MUA THUỐC BUỘC RỒI MỞ**

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó ni Châu-kế-Nan-đà đối với nam tử bán hương có tâm ái nhiễm, khi đến cửa hàng mua thuốc, mua xong buộc lại rồi mở ra, mở ra rồi buộc lại để cùng nam

tử trò chuyện thọ lạc. Các ni khuyên can không nên làm như thế nhưng Châu-kế-Nan-đà không chịu nghe theo. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quả trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đã mua các loại thuốc, mua xong buộc lại rồi mở ra, mở ra rồi buộc lại để chuyện trò thọ lạc.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà. Tướng phạm trong đây là hễ có buộc mở đều phạm Đọa.

Học Xứ Thứ Ba Mười Hai: THỌ TRÌ Y DÂY QUÝ GIÁ

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó vua Thắng-quang nước Kiều-tát-la ban cho tướng quân Chấp kích chiếc y dây quý giá, tướng quân đem y này cúng cho ni Pháp dự, Pháp dự đem để trên giá y. Châu-kế-Nan-đà vào phòng Pháp dự lễ bái nhìn thấy y liền hỏi có từ đâu, Pháp dự nói: “Tướng quân Chấp kích cúng cho tôi”, Châu-kế-Nan-đà nói: “Thánh giả phước nhiều nên được như thiên cúng dường”, Pháp dự hỏi: “Cô thích y này phải không?”, Châu-kế-Nan-đà nói: “Thánh giả, hoa héo nơi thân miếu thì nên bỏ”, Pháp dự nghe rồi biết ý nên lấy y đưa cho Châu-kế-Nan-đà. Châu-kế-Nan-đà được y liền mặc đi vào thành khất thực, người tục nhìn thấy đều phê bình chê trách: “Xem ra cô ni này còn đam mê dục lạc, tại sao lại mặc thượng phục của vua đi du hành khắp nơi?”. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quả trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni thọ trì y dây quý giá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Y dây quý giá: Y dây là một trăm lượng, quý giá là hai mươi Ca-lợi-sa-ba-noa hoặc hơn, y này gọi là y Tế ca thi hoặc là y Thượng quyên. Tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ Ba Mười Ba: THỌ TRÌ Y MỎNG QUÝ GIÁ

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó vua Thắng-quang đem y mỏng quý giá ban cho phu nhưn Thắng man, phu nhưn đem y này cúng cho Đại-thế-chủ, Đại-thế-chủ để y trên giá y, Châu-kế-Nan-đà vào phòng kính lễ thấy y hỏi đáp giống như giới trên. Châu-kế-Nan-đà sau khi được y này liền mặc đi vào thành khất thực bị người tục phê bình chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch

Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quả trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni thọ trì y mỏng quý giá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Y mỏng quý giá: Y mỏng là năm lượng, quý giá là hai mươi Ca-lợi-sa-ba-noa hoặc hơn. Tương phạm như trên.

Các đại đức, tôi đã nói ba mươi ba pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca rồi, nay hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Trong đây thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như thế.

I. BA DẬT ĐỀ CA

Các đại đức, đây là một trăm tám mươi pháp Ba-dật-đề-ca mỗi nửa tháng nói một lần từ trong Giới kinh rút ra.

Nhiếp Tụng Một:

*Vọng, chê bai, ly gián,
Phát cử, nói, đồng tiếng,
Nói tội, được thượng pháp,
Theo thân quen, khinh giới.*

Học Xứ Thứ Nhất: CỐ Y NÓI DỐI

Phật ở trong Trúc-lâm, bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương-xá, lúc đó cụ thọ La-hổ-la ở trong rừng Ôn-tuyền bên thành này khi có cư sĩ, Bà-la-môn kính tín đến hỏi Thế tôn nay ở đâu. Nếu lúc đó Thế tôn ở trong Trúc-lâm thì La-hổ-la nói là ở núi Linh-thứ, nếu Thế tôn ở Linh-thứ thì La-hổ-la nói là ở Trúc-lâm... khiến cho mọi người muốn đến đánh lễ Phật đều không thể gặp được, lại còn mỗi một khổ nhọc. Sau đó họ trở lại chỗ La-hổ-la, La-hổ-la hỏi có gặp Thế tôn không, họ nói: “Không gặp, tại sao Thánh giả cố ý xúc não chúng tôi?”, đáp: “Quả là tôi đã cố ý xúc não các vị”. Mọi người nghe rồi đều chê trách, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nghe rồi sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương-xá theo thứ lớp khát thực rồi trở về bốn xứ thọ thực. Sau đó đến chỗ La-hổ-la trong rừng Ôn-tuyền, La-hổ-la thấy Phật đến trải tòa, để nước rửa nghinh đón Phật, Phật ngồi xuống tự rửa chân, rửa xong nghiêng chậu nước rửa đổ bỏ, chỉ chừa lại một chút nước trong chậu rồi hỏi La-hổ-la: “Con có thấy chút ít nước trong chậu không?”, đáp là thấy, Phật nói: “Này La-hổ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói vọng, không

hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai gọi đó là người ngu và là người thiếu pháp sa môn”, nói rồi trút đổ hết xuống đất hỏi La-hổ-la: “Con có thấy chút nước trong chậu đổ hết ra đất không?”, đáp có thấy, Phật nói: “Này La-hổ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai gọi đó là người ngu và là người bỏ mất hết pháp sa môn”, nói rồi Thế tôn đá chậu nghiêng ngửa ra đất hỏi La-hổ-la: “Con có thấy chậu bị đá nghiêng ngửa ra đất không?”, đáp có thấy, Phật nói: “Này La-hổ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai gọi đó là người ngu, là người làm nghiêng đổ pháp sa môn”, nói rồi Phật úp chậu xuống đất hỏi La-hổ-la: “Con có thấy chậu bị úp xuống đất không?”, đáp có thấy, Phật nói: “Này La-hổ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối, không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai gọi đó là người ngu đã lật úp pháp sa môn. Này La-hổ-la, như con voi chúa say rượu có sức mạnh, cặp ngà của nó như cày xe mập khỏe khéo hay chiến đấu, khi ra chiến trường chiến đấu với đối phương thì bốn chân, cặp ngà, đuôi, xương sống, xương hông đều có tác dụng, chỉ trừ cái vòi thì nó cuộn lại không đem ra dùng. Này La-hổ-la, con voi này vì bảo vệ tính mạng nên không dùng cái vòi để quật ngã đối thủ. Người điều khiển quân voi liền biết con voi này vì hộ tiếc thân mạng. Này La-hổ-la, nếu con voi khi cùng đối phương chiến đấu dùng cái vòi để tranh tài thì người điều khiển voi biết con voi này không tiếc thân mạng, khi sấp trận sẽ tàn hại, không việc ác nào là không làm. Cũng như vậy này La-hổ-la, nếu có Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai nói người như vậy không việc ác nào là không làm”. Thế tôn liền nói kệ:

*“Người nào trái thật pháp,
Cố nói lời hư dối,
Cho đến khi mạng chung,
Không ác nào không làm.
Thà nuốt hòn sắt đỏ,
Cũng như lửa cháy hừng,
Không dùng miệng phá giới,
Ăn thức ăn tín tâm”.*

Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới. Lúc đó ở thành Thất-la-phiệt Ni-thổ-la-nan-đà cố ý nói dối, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cố ý nói dối, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Cố ý là tâm biết rõ việc kia không thật. Vọng ngữ có chín loại, tám loại, bảy loại, sáu, năm, bốn, ba, hai loại vọng ngữ sai khác nhau. Chín loại vọng ngữ là dùng vô căn Tha-thắng, Tăng-già-phạt-thi-sa, Ba-dật-đề-ca, Đề-xá-ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa; dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng để vọng ngữ. tám loại vọng ngữ là dùng vô căn Tha-thắng, Tăng-già-phạt-thi-sa, Ba-dật-đề-ca, Đề-xá-ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. Bảy loại vọng ngữ là dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. sáu loại vọng ngữ là Bí-sô ni muốn vọng ngữ nghĩ rằng ta sẽ vọng ngữ; khi đang vọng ngữ nghĩ rằng ta đang vọng ngữ; khi đã vọng ngữ nghĩ rằng ta đã vọng ngữ; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. năm loại vọng ngữ là dùng vô căn năm bộ tội để vọng ngữ. Bốn loại vọng ngữ là dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Ba loại vọng ngữ là nghĩ rằng ta sẽ vọng ngữ, ta đang vọng ngữ và ta đã vọng ngữ. hai loại vọng ngữ là nghĩ rằng ta đang vọng ngữ và ta đã vọng ngữ. Không có một loại mà thành vọng ngữ.

Lại có năm loại vọng ngữ là tự mình có vọng ngữ phạm Ba-la-thị-ca, hoặc phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, hoặc phạm Tốt-thổ-la-đề, hoặc phạm Ba-dật-đề-ca, hoặc phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa. Sao gọi là vọng ngữ phạm Ba-la-thị-ca? Bí-sô ni thật không chứng được pháp thượng nhưn mà tự xưng là đã chứng. Sao gọi là vọng ngữ phạm Tăng-già-phạt-thi-sa? Bí-sô ni biết Bí-sô ni kia thanh tịnh không phạm, dùng pháp vô căn Tha-thắng để hủy báng. Sao gọi là vọng ngữ phạm Tốt-thổ-la-đề? Bí-sô ni ở trong chúng cố tâm vọng ngữ, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật, luật nói là phi luật... Sao gọi là vọng ngữ phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa? Bí-sô ni mỗi nửa tháng làm lễ Bao-sái-đà, khi tụng giới kinh được hỏi có thanh tịnh không, mình thật không thanh tịnh, tự biết có phạm khởi tâm che giấu ngồi im lặng. Ngoài bốn loại vọng ngữ kể trên, các loại vọng ngữ khác đều phạm Ba-dật-đề-ca. Ba-dật-đề-ca nghĩa là đọa lạc, bị đốt nấu trong ba đường ác. Tội này nếu không ân cần nói tội sám trừ thì có thể chương ngại pháp lành đã có.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni không thấy, không nghe, không giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy nói rằng: Tôi thấy nghe, giác tri. Khi nói như vậy mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ni từng thấy nghe, giác tri mà quên, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy, không nhớ

việc đó mà nói là không quên thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ni thật thấy nghe, giác tri sau sanh nghi, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy mà nói là thấy nghe giác tri không có nghi thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ni thật không thấy nghe giác tri mà tưởng là thấy nghe giác tri nói rằng tôi thật có thấy nghe giác tri thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu Bí-sô ni thật không thấy nhưng có nghe giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi thấy nhưng không có nghe giác tri thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ni thật không nghe nhưng có thấy giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi nghe nhưng không có thấy giác tri thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu Bí-sô ni thật không có giác (hiểu) nhưng có thấy nghe và tri (biết), khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi có hiểu nhưng không có thấy nghe biết thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu Bí-sô ni thật không biết nhưng có thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi biết nhưng không thấy nghe và hiểu thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội.

Nếu thật thấy mà quên còn nghe hiểu biết không quên, khởi tưởng như vậy; sau nói rằng tôi thấy không quên, nghe hiểu biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật nghe mà quên còn thấy hiểu biết không quên, khởi tưởng như vậy; sau nói rằng tôi nghe không quên, thấy hiểu biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật hiểu mà quên còn thấy nghe biết không quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu không quên, thấy nghe biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật biết mà quên còn thấy nghe hiểu không quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết không quên, thấy nghe hiểu cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội.

Nếu thật thấy mà nghi còn nghe hiểu biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi thấy không nghi, còn nghe hiểu biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật nghe mà nghi còn thấy hiểu biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi nghe không nghi, còn thấy hiểu biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật hiểu mà nghi còn thấy nghe biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu không nghi còn thấy nghe biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật biết mà nghi còn thấy nghe hiểu không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết không nghi còn thấy nghe hiểu có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội.

Nếu thật không thấy khởi tưởng không thấy, còn nghe hiểu biết

tưởng có nghe hiểu biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi thấy nhưng không có nghe hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật không nghe khởi tưởng không nghe nhưng khởi tưởng có thấy hiểu biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng không có thấy hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật không hiểu khởi tưởng không hiểu nhưng khởi tưởng có thấy nghe biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu nhưng không có thấy nghe biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật không biết khởi tưởng không biết nhưng khởi tưởng có thấy nghe hiểu; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết nhưng không có thấy nghe hiểu thì khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy nghe hiểu biết mà không quên việc kia, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nghe hiểu biết nhưng lại quên việc kia thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật thấy nghe hiểu biết không sanh nghi tâm, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nghe hiểu biết nhưng sanh nghi tâm thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật thấy nghe hiểu biết tưởng có thấy nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không có thấy nghe hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy nhưng không có nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không thấy nhưng có nghe hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật nghe nhưng không có thấy hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không nghe nhưng có thấy hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật hiểu mà không có thấy nghe biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không hiểu nhưng có thấy nghe biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật biết mà không thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không biết nhưng có thấy nghe hiểu thì khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy không quên còn nghe hiểu biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nhưng quên, còn nghe hiểu biết không quên thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật nghe không quên còn thấy hiểu biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng quên, còn thấy hiểu biết không quên thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật hiểu không quên còn thấy nghe biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có hiểu nhưng quên còn thấy nghe biết không quên, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật biết không quên còn thấy nghe hiểu lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có biết nhưng quên còn thấy nghe hiểu không quên, khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy không nghi còn nghe hiểu biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nhưng nghi còn nghe hiểu biết không

nghe, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật nghe không nghe còn thấy hiểu biết có nghe, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng nghe còn thấy hiểu biết không nghe, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật hiểu không nghe còn thấy nghe biết có nghe, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có hiểu nhưng nghe còn thấy nghe biết không nghe, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật biết không nghe còn thấy nghe hiểu có nghe, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có biết nhưng nghe còn thấy nghe hiểu không nghe, khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy tưởng có thấy nhưng tưởng không nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không thấy nhưng có nghe hiểu biết, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật nghe tưởng có nghe nhưng tưởng không thấy hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không nghe nhưng có thấy hiểu biết, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật hiểu tưởng có hiểu nhưng tưởng không thấy nghe biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không hiểu nhưng có thấy nghe biết, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật biết tưởng có biết nhưng tưởng không thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không biết nhưng có thấy nghe hiểu, khi nói phạm bốn tội. Nếu Bí-sô ni nói trái với tâm nghĩ đều phạm Ba-dật-đề- ca, không nói trái với tâm nghĩ thì không phạm.

